TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG SƠN** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HSST
Ngày: 07/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, ông: Lương Sỹ Nam
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Oanh
2. Ông Lương Văn Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa, ông Cao Anh Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2023 tại Điểm cầu trung tâm Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, kết nối với điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh H, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2023/TLST - HS ngày 16/8/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST - HS, ngày 23 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Tiến Đ. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 11/11/1978, tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 5/12, Nghề nghiệp: Kinh doanh. Con ông: Phạm Ngọc H. Con bà: Phạm Thị Đ1 (đều đã chết). Anh, chị, em ruột có 10 người, bị cáo là con thứ mười. Vợ: Phan Thị Thúy H1, Sinh năm 1980. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Con: có 02 đứa, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2004. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 05/4/2023 bị Công an xã S, huyện H ra Quyết định số 10/QĐ-XPHC xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1, Điều 23, Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của chính phủ. Hiện nay chưa được xóa tiền sự. Về nhân thân: Ngày 10/4/2012 bị Công an thành phố H ra Quyết định số 14583/QĐ-XPHC xử phạt hành chính với số tiền 700.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 206, khách sạn N2 thuộc phường T, TP H. Đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

*** Những người bị hại:**

1. Anh Dương Thành L, sinh năm: 1985; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Thúy H2, sinh năm: 1989; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

3. Anh Dương Đình H3, sinh năm: 1985; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

4. Anh Phạm Quỳnh G, sinh năm: 1980; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

5. Chị Đồng Thị T, sịnh năm: 1990; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

6. Chị Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm: 1987; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

7. Bà Lê Thị N, sinh năm: 1971; Nghề nghiệp: Giáo viên. Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

8. Anh Dương Đình Long T1, sinh năm: 1988; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Trần Thị Q, sinh năm: 1987; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

2. Anh Trần Văn H4, sinh năm: 1978; Nghề nghiệp: Lái xe. Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

3. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm: 1982; Nghề nghiệp: lao động tự do. Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Văn Đ2, sinh năm: 1986; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

5. Chị Trần Thị T2, sinh năm: 1988; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

6. Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm: 1988; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

7. Chị Trần Thị H5, sinh năm: 1990; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

8. Bà Trần Thị H6, sinh năm: 1969; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

9. Chị Phan Thị Thuý H7 sinh năm: 1980; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

10. Anh Hồ Xuân H8, sinh năm: 1974; Nghề nghiệp: Công chức. Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

11. Anh Phạm Ngọc H9, sinh năm: 1991; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

* Cán bộ, chiến sỹ tại điểm cầu thành phần hỗ trợ phiên tòa: Đồng chí Nguyễn Văn T3 - Cán bộ Đội Cảnh sát bảo vệ: Trại tạm giam Công an tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/8/2014 đến cuối tháng 8 năm 2019, Phạm Tiến Đ, trú tại thôn K, xã S, huyện H bằng thủ đoạn gian dối đã 08 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 08 bị hại trên địa bàn, thị trấn T và xã S, huyện H. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 8 năm 2014, do không có tiền đáo hạn hợp đồng vay của Ngân hàng N3 Chi nhánh T5, tỉnh Hà Tĩnh nên Phạm Tiến Đ nảy sinh ý định đặt mua 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả ký hiệu BA742926, diện tích 304m2, tại thửa 184, tờ bản đồ số 21, do ông Trần Bình T4, phó chủ tịch UBND huyện H cấp ngày 03/5/2014 mang tên Phạm Tiến Đ và Phan Thị Thúy H1, trú tại xóm K, xã S, huyện H với giá 10.000.000đ của một người đàn ông không không quen biết ở thành phố H, rồi đưa về thế chấp tại ngân hàng nhưng không vay được tiền. Sau đó lợi dụng vào sự quen biết với chị Lê Thị N, trú tại tổ dân phố D, thị trấn T nên Đ đến nhà đặt vấn đề vay 50.000.000đ để trả lãi ngân hàng, chị N đồng ý nhưng yêu cầu Đ thế chấp tài sản để làm niềm tin và phải có mặt cả hai vợ chồng để ký vào giấy vay tiền. Vào ngày 20/8/2014, Đ cùng vợ là chị Phan Thị Thúy H1 đến nhà chị N viết giấy vay số tiền 50.000.000đ, hai người ký vào rồi hẹn đến ngày 25/8/2014 sẽ trả tiền. Chị N lấy tiền đưa cho Đ, còn Đ đưa riêng cho chị N 01 giấy chứng quyền sử dụng đất làm giả trước đó (việc Đ mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và đưa thế chấp cho chị N, chị H1 không biết). Sau khi chiếm đoạt được số tiền Đ sử dụng vào mục đích trả lãi ngân hàng và tiêu xài cá nhân. Đến ngày 25/8/2014 không thấy Đ đến trả tiền chị N đã nhiều lần đến nhà, gọi điện yêu cầu Đ trả tiền nhưng không liên lạc được. Đến đầu năm 2022 chị N nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Đ thế chấp là giả nên đến nhà gặp Đ yêu cầu trả lại tiền, nếu không trả sẽ báo Công an, do sợ chị N báo với Cơ quan Công an, sau đó Đ trả nhiều lần với tổng số tiền 11.500.000đ, còn lại 38.500.000đ Đ không trả nên chị N làm đơn trình báo với Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận giám định số 532/KL-KTHS ngày 30/5/2023 của phòng K Công an tỉnh H kết luật: Mẫu phôi trên mẫu cần giám định ký hiệu A với mẫu phôi so sánh ký hiệu M không cùng một loại. Hình dấu có nội dung" ỦY BAN NHÂN DÂN H. HƯƠNG SƠN TỈNH HÀ TĨNH*" trên mẫu cần giám định ký hiệu A không phải là hình dấu đóng trực tiếp. Chữ ký ông Trần Bình T4 trên mẫu cần giám định ký hiệu A là chữ ký trực tiếp, so với chữ ký của ông Trần Bình T4 trên mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một người ký ra.

- Lần thứ hai: Do có mối quan hệ họ hàng với nhau nên Phạm Tiến Đ biết anh Dương Thành L, trú tại thôn B, xã S, huyện H mới lập gia đình chưa có đất ở. Vào khoảng đầu tháng 4/2016, Đ đến nhà gặp anh L đưa ra thông tin gian dối nói với anh L là có quen biết anh Hồ Xuân H8 cán bộ địa chính xã S (ở thời điểm đó) nên sẽ nhờ

anh H8 xin cấp đất ở mới cho anh L, nhưng mỗi suất phải mất chi phí 50.000.000đ, nếu chọn vị trí đất đẹp thì phải mất thêm 10.000.000đ, tổng cộng 60.000.000đ. Để tạo lòng tin Đ dẫn anh L đến nhà gặp anh H8 để xin cấp đất cho L, sau khi gặp nhau anh H8 chỉ hướng dẫn quy trình xin cấp đất mà không có hứa hẹn gì với Đ và L. Sau đó hai người ra về, khoảng hai ngày sau Đ gọi điện thoại cho L nói: "Việc cấp đất đã lo xong", rồi yêu cầu L đưa tiền đến nhà cho mình, khoảng một tuần sau L đưa 50.000.000đ đến nhà cho Đ, khoảng 01 tháng sau Đ đến nhà L yêu cầu đưa thêm 10.000.000đ, tổng cộng 60.000.000đ. Sau khi chiếm đoạt số tiền Đ sử dụng vào mục đích cá nhân, một thời gian sau anh L nhiều lần gọi điện cho Đ hỏi thủ tục cấp đất cho mình nhưng Đ hứa lần này đến lần khác, thấy thời gian đã lâu mà Đ không xin được cấp đất cho mình nên anh L đã nhiều lần yêu cầu Đ trả lại tiền nhưng Đ không trả và tắt máy không liên lạc được nên anh L đã làm đơn trình báo với Cơ quan điều tra.

- Lần thứ ba: Do có mối quan hệ họ hàng với nhau nên Phạm Tiến Đ biết anh Dương Đình Long T1, trú tại thôn B, xã S, huyện H (nay đã chuyển về tại tổ dân phố G, thị trấn P) đã lập gia đình vào năm 2012 nhưng chưa có đất ở. Vào khoảng đầu tháng 5/2016 Đ liên lạc với anh T1 đưa ra thông tin gian dối là hiện tại UBND xã S đang có chủ trương cấp đất cho con em xã S chưa có đất ở, đồng thời nói mình có mối quan hệ quen biết với anh Hồ Xuân H8 là cán bộ địa chính xã (thời điểm đó) nên sẽ xin được cấp đất ở mới, nhưng phải mất chi phí 50.000.000đ, nếu chọn vị trí đất đẹp phải thêm 20.000.000đ, tổng cộng: 70.000.000đ. Để tạo lòng tin Đ dẫn anh T1 đến nhà gặp anh H8 đặt vấn đề xin cấp đất, khi gặp nhau anh H8 không có hứa hẹn gì với Đ. Sau đó Đ hướng dẫn anh T1 làm hồ sơ xin cấp đất đưa cho mình, do tưởng thật nên khoảng hai ngày sau anh T1 rủ anh Dương Thành L đến nhà Đ đưa số tiền 50.000.000đ, cách hai ngày sau anh L đi xuống thị trấn P thì gặp Đ rồi đưa tiếp số tiền 20.000.000đ, tổng cộng: 70.000.000đ. Sau khi chiếm đoạt số tiền Đ sử dụng vào mục đích cá nhân, một thời gian dài anh Trọng liên l với Đ để hỏi thủ tục cấp đất nhưng Đ hứa lần này sang lần khác, sau khi biết Đ không thể xin cấp đất được cho mình nên đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin yêu cầu Đ trả lại tiền nhưng Đ không trả nên anh T1 đã làm đơn trình báo với Cơ quan điều tra.

- Lần thứ tư: Do có mối quan hệ họ hàng với nhau nên vào khoảng tháng 6/2016, Phạm Tiến Đ đến nhà anh Dương Đình H3 và chị Nguyễn Thị Ngọc M, trú tại thôn B, xã S, huyện H rồi đưa ra thông tin gian dối, nói với vợ chồng anh H3: "Hiện có 01 lô đất phía sau ga ra ô tô Dũng C, thuộc thôn K, xã S con có lấy lô đất đó thì để chú làm cho, chú làm cho L với T1 rồi", nghe vậy nên vợ chồng anh L trả lời: "Để bọn con bàn bạc đã". Do tưởng thật nên sau khi bàn bạc xong, ngày hôm sau chị M gọi điện cho Đ nhờ xin cấp lô đất nói trên, nhưng Đ nói phải mất 50.000.000đ. Sau đó hai vợ chồng anh H3 đưa 50.000.000đ đến nhà cho Đ, để tạo lòng tin nên hai ngày sau Đ dẫn anh H3 đến nhà gặp anh Hồ Xuân H8 là cán bộ địa chính (thời điểm đó) đặt vấn đề xin cấp đất, nhưng anh H8 không hứa hẹn gì với Đ. Sau khi chiếm đoạt số tiền Đ sử dụng vào mục đích cá nhân. Sau một thời gian dài vợ chồng anh H3 gọi điện, nhắn tin hỏi về thủ tục cấp đất thì Đ hẹn lần này đến lần

khác. Sau khi biết Đ không thể xin cấp đất cho mình nên anh H3 và chị M đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin yêu cầu trả lại tiền nhưng Đ không trả. Đến tháng 3/2023 do sợ hành vi của mình bị phát hiện nên Đ mới trả cho anh Huỳnh 10.000.000đ, hiện còn 40.000.000đ Đ không trả nên anh H3 đã làm đơn trình báo với Cơ quan điều tra.

- Lần thứ năm: Do biết chị Phạm Thị Thuý H10, trú tại thôn B, xã S, huyện H đang nuôi con nhỏ và chưa có đất ở nên vào khoảng tháng 7/2016, Phạm Tiến Đ đến nhà chị H10 đưa ra thông tin gian dối là UBND xã S đang có chủ trương cấp đất cho con em trong xã chưa có đất ở, đồng thời giới thiệu là bản thân có quen biết anh Hồ Xuân H8 cán bộ địa chính xã S (thời điểm đó) và sẽ nhờ anh H8 giúp xin cấp đất. Để tạo lòng tin Đ dẫn chị H10 cùng với anh Dương Đình Long T1 đến nhà gặp anh H8 rồi đặt vấn đề xin cấp đất, nhưng anh H8 không hứa hẹn gì với Đ. Khoảng vài ngày sau Đ tiếp tục dẫn chị H10 đến một vị trí đất trống tại thôn K, xã S và chỉ vị trí xin cấp đất cho chị H10, rồi đưa chị H10 lên UBND xã S làm đơn xin cấp đất. Sau đó Đ nhiều lần gọi điện cho chị H10 bảo dưới xã đã có đất và đưa tiền lên để làm thủ tục. Do tưởng thật nên vào cuối tháng 7/2016 chị H10 đang đi làm ở miền B đã vay số tiền 50.000.000đ gửi về cho bà Trần Thị H6 (là mẹ đẻ) nhờ bà H6 đưa cho Đ. Sau khi nhận tiền được một thời gian Đ gọi điện thông báo với chị H10 cuối năm 2016 sẽ được cấp đất. Số tiền chiếm đoạt Đ sử dụng vào mục đích cá nhân. Một thời gian dài chị H10 liên hệ hỏi thủ tục cấp đất thì Đ hứa năm này sang năm khác, do biết Đ không có khả năng xin cấp đất nên chị H10 đã nhiều lần gọi điện và yêu cầu trả lại tiền, nhưng Đ không trả. Đến ngày 04/3/2023 Đ mới trả số tiền 20.000.000đ, hiện còn 30.000.000đ Đ không trả nên chị H10đã làm đơn trình báo với Cơ quan điều tra.

- Lần thứ sáu: Do có mối quan hệ họ hàng với nhau nên vào khoảng tháng 10/2016, Phạm Tiến Đ đến nhà anh Phạm Quỳnh G, trú tại thôn H, xã S rồi đưa ra thông tin gian dối nói với anh G: "UBND xã đang đổ đất ở thôn K, xã S để cấp cho con em xã S ra ở riêng, rồi bảo anh G có cần không thì Đ làm cho", anh G hỏi: "Hết bao nhiêu tiền?", Đ trả lời: "Mỗi suất 50.000.000đ". Sau khi nghe Đ nói anh G tưởng thật nên đồng ý. Khoảng hai ngày sau Đ đến nhà anh G lấy 20.000.000đ, khoảng 10 ngày sau Đ tiếp tục đến nhà lấy số tiền 30.000.000đ, tổng cộng: 50.000.000đ rồi bảo với anh G là anh Phạm Ngọc H9, trú tại thôn P, xã S cũng muốn cấp đất nhưng không có tiền, nên anh G đã thống nhất nhờ Đ xin cấp miếng đất thứ hai cho mình nhưng mang tên anh H9, Đ đồng ý, anh G đưa thêm cho Đ số tiền 30.000.000đ. Tổng cộng là 80.000.000đ. Sau khi nhận tiền để tạo lòng tin Đ dẫn anh G đến nhà gặp anh Hồ Xuân H8 cán bộ địa chính (thời điểm đó) đặt vấn đề xin cấp đất, nhưng anh H8 không hứa hẹn gì với Đ. Sau khi chiếm đoạt số tiền Đ sử dụng vào mục đích cá nhân. Một thời gian sau anh G gọi điện nhắn tin để hỏi việc cấp đất cho mình thì Đ hứa lần này đến lần khác, sau một thời gian dài biết Đ không thể xin cấp đất như đã hứa nên anh G đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin yêu cầu trả lại tiền, nhưng Đ không trả. Đến ngày 20/12/2021 Đ mới trả cho anh G số tiền 8.000.000đ, hiện còn 72.000.000đ Đ không trả nên anh G đã làm đơn trình báo với Cơ quan điều tra.

- Lần thứ bảy: Do có mối quan hệ quen biết nhau nên vào khoảng tháng 5/2019, Phạm Tiến Đ đến nhà chị Nguyễn Thị Thúy V, trú tại thôn B, xã S, huyện H hỏi chị V: " Muốn xin cấp đất không thì anh hỏi H8 cán bộ địa chính xã S cho", chị V trả lời: " Có", khoảng hai ngày sau Đ gọi điện nói dối với chị V: " Anh H8 đã đồng ý tiếp nhận hồ sơ xin cấp đất", để tạo lòng tin Đ đưa chị V cùng chồng là anh Nguyễn Văn N1 đi xem vị trí mảnh đất trống gần trường mầm non H và 01 mảnh đất trống tại dốc Dừa thuộc thôn K, xã S. Sau khi xem đất khoảng hai ngày thì Đ gọi chị V và anh N1 đến nhà ký vào đơn xin cấp đất đánh sẵn thông tin, rồi bảo chị V đưa 50.000.000đ để làm thủ tục cấp đất, sau khi xong phải đưa thêm 30.000.000đ thì mới lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do tưởng thật nên chị V đồng ý và đưa cho Đ 50.000.000đ. Sau khi chiếm đoạt số tiền Đ sử dụng vào mục đích cá nhân. Một thời gian sau Đ gặp chị V nói không xin cấp đất nữa vì có nhiều người làm đơn nên phải chuyển sang đấu giá, còn tiền thì không phải đưa thêm. Một thời gian sau chị V nhiều lần gọi điện, nhắn tin hỏi việc cấp đất thì Đ hứa lần này, sang lần khác. Sau thời gian dài biết Đ không thể xin cấp đất cho mình nên chị V đã nhiều lần yêu cầu trả lại tiền, đến nay Đ mới trả 15.000.000đ, còn lại 35.000.000đ Đ không trả nên chị V đã làm đơn trình báo với Cơ quan điều tra.

- Lần thứ tám: Do biết vợ chồng chị Đồng Thị T, trú tại thôn B, xã S mới kết hôn chưa có đất ở nên vào khoảng tháng 8/2019, Phạm Tiến Đ đến nhà chị T đưa ra thông tin gian dối rằng: " Ủy ban nhân dân xã S đang chuẩn bị cấp đất, mỗi suất 80.000.000đ, nhưng trước mắt chỉ cần đưa trước 50.000.000đ, còn 30.000.000đ đưa sau", nghe vậy chị T tưởng thật nên đồng ý. Khoảng một tuần sau để tạo lòng tin Đ dẫn chị T cùng chồng là anh Nguyễn Văn Đ2 đi xem 02 miếng đất trống tại thôn H và thôn K, xã S. Sau khi xem đất xong khoảng ba ngày sau chị T và anh Đ2 đến nhà Đ đưa số tiền 30.000.000đ, đến cuối tháng 8/2019 tiếp tục đến nhà đưa số tiền 20.000.000đ, tổng cộng 50.000.000đ. Sau khi chiếm đoạt số tiền Đ sử dụng vào mục đích cá nhân. Một thời gian dài chị T gọi điện, nhắn tin hỏi Đ việc cấp đất thì Đ hứa lần này sang lần khác, sau khi biết Đ không xin được cấp đất nên đã nhiều lần yêu cầu trả lại tiền thì đến nay Đ mới trả 15.000.000đ, số còn lại 35.000.000đ Đ không trả nên chị T đã làm đơn trình báo với Cơ quan điều tra.

Đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của bị cáo Phạm Tiến Đ có dấu hiệu cấu thành tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên hành vi này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên theo quy định của Bộ luật hình sự thì đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

* Vật chứng thu giữ chuyển đến Chi cục THADS huyện H: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI 353041096110934 có gắn thẻ sim số 0985.379.6B do bị cáo Phạm Tiến Đ tự nguyện giao nộp.

* Vật chứng thu giữ trả lại cho chủ sở hữu: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Veloz Cross, màu trắng, BKS38A - 462.B, mang tên Phạm Tiến Đ. Hiện đã trả lại cho chị Phan Thị Thúy H1 vợ của bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Thị N yêu cầu trả lại số tiền 38.500.000đ; anh Dương Thành L yêu cầu trả lại số tiền 60.000.000đ; anh Dương Đình Long T1 yêu cầu trả lại số tiền 70.000.000đ; anh Dương Đình H3 yêu cầu trả lại số tiền 40.000.000đ; chị Nguyễn Thị Thúy H2 yêu cầu trả lại số tiền 30.000.000đ; anh Phạm Quỳnh G yêu cầu trả lại số tiền 72.000.000đ; chị Nguyễn Thị Thúy V yêu cầu trả lại số tiền 35.000.000đ; chị Đồng Thị T yêu cầu trả lại số tiền 35.000.000đ. Tổng cộng: 380.500.000đ. Hiện nay bị cáo chưa thực hiện được khoản nào.

Bản cáo trạng số: 49/CT - VKS - HS ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Phạm Tiến Đạt về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh giữ quyền công tố, trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Tiến Đ về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử lý:

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Tiến Đ mức án từ 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng đến 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2023.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là lao động tự do nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường như sau: Chị Lê Thị N số tiền 38.500.000đ; Anh Dương Thành L số tiền 60.000.000đ; Anh Dương Đình Long T1 số tiền 70.000.000đ; Anh Dương Đình H3 số tiền 40.000.000đ; Chị Nguyễn Thị Thuý H2 tiền 30.000.000đ; Anh Phạm Quỳnh G số tiền 72.000.000đ; Chị Nguyễn Thị Thúy V số tiền 35.000.000đ; Chị Đồng Thị T số tiền 35.000.000đ. Trong thời gian chờ ngày xét xử chị gái của bị cáo đã nộp cho Tòa án đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại anh Dương Đình H3 trong đó có nội dung gia đình bị cáo đã bồi thường đủ cho gia đình bị hại anh Dương Đình H3 số tiền 40.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phạm Tiến Đ phải bồi thường cho những người bị hại còn lại chưa bồi thường như yêu cầu.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng sau khi điều tra làm rõ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI 353041096110934 có gắn thẻ sim số 0985.379.6B của bị cáo Phạm Tiến Đ, được xác định là công cụ phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI 353041096110934. Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ sim số 0985.379.6B.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Tiến Đ đã khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/8/2014 đến tháng 8/2019, Phạm Tiến Đ, trú tại thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh bằng thủ đoạn gian dối đã sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay tiền, đưa ra các thông tin gian dối là Ủy ban nhân dân dân xã S có chủ trương cấp đất cho con em xã S chưa được cấp đất ở không phải qua hình thức bán đấu giá nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt số tiền của chị Lê Thị N, trú tại tổ dân phố D, thị trấn P 50.000.000đ; anh Dương Thành L, trú tại thôn B, xã S 60.000.000đ; anh Dương Đình Long T1, trú tại tổ dân phố G, thị trấn P 70.000.000đ; anh Dương Đình H3 và chị Nguyễn Thị Thúy H2, đều trú tại thôn B, xã S mỗi người 50.000.000đ; anh Phạm Quỳnh G, trú tại thôn B 80.000.0000đ; chị Nguyễn Thị Thúy V; chị Đồng Thị T, đều trú tại thôn B, xã S, huyện H mỗi người 50.000.000đ rồi sử dụng vào mục đích cá nhân mà không xin cấp đất cho các bị hại. Tổng cộng số tiền Đ lừa đảo chiếm đoạt là 460.000.000đ.

[3]. Mục đích của bị cáo là muốn chiếm đoạt tài sản là số tiền mà các bị hại nhờ bị cáo xin cấp đất. Bị cáo đã nói dối với người muốn cấp đất, là bị cáo có quen biết và có khả năng xin được cho các bị hại được cấp đất, những người muốn được cấp đất đã đồng ý đưa tiền cho bị cáo. Bị cáo sau khi nhận tiền đã, không quan tâm đến việc có được cấp đất hay không. Do các bị hại tin tưởng bị cáo, vẫn nghĩ rằng việc họ được cấp đất là có thực là hợp pháp, việc hứa hẹn diễn ra công khai.

[4]. Trong vụ án này, mục đích của bị cáo là dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người muốn cấp đất, nên người muốn cấp đất là người trực tiếp bị thiệt hại về tài sản do tội phạm gây ra nên được xác định là bị hại trong vụ án. Xét lời khai nhận của bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Phạm Tiến Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự,

để có tiền sử dụng vào mục đích cá nhân bị cáo Phạm Tiến Đ dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin giả là bản thân có sự quen biết có thể xin cho các bị hại được cấp đất tin tưởng và chiếm đoạt của người bị hại với tổng cộng số tiền Đ lừa đảo chiếm đoạt là 460.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng với bản chất tham lam, lười lao động và xem thường pháp luật đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Bị cáo đang có 01 tiền sự: Ngày 05/4/2023 bị Công an xã S, huyện H ra Quyết định số 10/QĐ-XPHC xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1, Điều 23, Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của chính phủ. Hiện nay chưa được xóa tiền sự. Về nhân thân: Ngày 10/4/2012 bị Công an thành phố H ra Quyết định số 14583/QĐ-XPHC xử phạt hành chính với số tiền 700.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 206, khách sạn N2 thuộc phường T, TP H. Đã chấp hành xong hình phạt. Vì vậy, nên cần có mức án đủ nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa. Cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5.2]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ngoài ra có bố là ông Phạm Ngọc H có công với cách mạng nên được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì, Huy chương kháng chiến hạng nhất, người bị hại anh Dương Đình H3 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]. Hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường như sau: Chị Lê Thị N số tiền 38.500.000đ; Anh Dương Thành L số tiền 60.000.000đ; Anh Dương Đình Long T1 số tiền 70.000.000đ; Anh Dương Đình H3 số tiền 40.000.000đ; Chị Nguyễn Thị Thúy Hằng s tiền 30.000.000đ; Anh Phạm Quỳnh G số tiền 72.000.000đ; Chị Nguyễn Thị Thúy V số tiền 35.000.000đ; Chị Đồng Thị T số tiền 35.000.000đ. Trong thời gian chờ ngày xét xử chị gái của bị cáo đã nộp cho Tòa án đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại anh Dương Đình H3 trong đó có nội dung gia đình bị cáo đã bồi thường đủ cho gia đình bị hại anh Dương Đình

H3 số tiền 40.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử: Cần áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự để xử lý.

[8]. Về xử lý vật chứng: Vật chứng sau khi điều tra làm rõ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, Hội đồng xét xử miễn xét. Vật chứng chưa xử lý là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI 353041096110934 có gắn thẻ sim số 0985.379.6B của bị cáo Phạm Tiến Đ, được xác định là công cụ phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý.

[9] Đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của bị cáo Phạm Tiến Đ có dấu hiệu cấu thành tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên hành vi này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên theo quy định của Bộ luật hình sự thì đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10]. Trong vụ án có những nội dung liên quan được xác định như sau: Người đàn ông ở thành phố H bán cho bị can 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với số tiền 10.000.000đ, nhưng bị can không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh. Đối với chị Phan Thị Thúy H1 (vợ bị cáo) là người đi cùng bị cáo để ký giấy vay số tiền 50.000.000đ của chị Lê Thị N, nhưng không biết bị cáo sử dụng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho chị N nên không xem xét xử lý. Liên quan đến anh Hồ Xuân H8: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội giữa bị cáo Đ và anh H8 không có sự phân công bàn bạc gì với nhau, việc bị can đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền của các bị hại anh H8 không biết. Đối với số tiền 100.000.000đ bị can khai tự nguyện đưa 05 lần cho anh H8, nhưng anh H8 không thừa nhận, ngoài lời khai của bị cáo ra thì không có tài liệu nào để chứng minh. Đối với 05 bị hại, bị cáo khai đưa đến nhà gặp anh H8 để xin cấp đất, nhưng anh H8 chỉ thừa nhận vào năm 2016 bị cáo đưa anh Dương Thành L đến nhà nhưng anh H8 chỉ hướng dẫn về quy trình xin cấp đất mà không có hứa hẹn gì đối với Đ và L, 04 người còn lại anh H8 không thừa nhận đã đến nhà gặp H8. Tuy nhiên theo lời khai của bị cáo việc đưa các bị hại đến nhà gặp H8 thì không có hứa hẹn gì với nhau từ trước, chỉ là bột phát để tạo niềm tin cho các bị hại và anh H8 cũng không hứa hẹn gì với bị cáo. Đối với số tiền 20.000.000đ bị cáo đưa đến nhà cho vợ anh H8 nhưng H8 không biết số tiền nhằm mục đích gì, bị cáo cũng thừa nhận là do mình tự nguyện và muốn cảm ơn anh H8 đã giúp bị cáo trong việc làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận cho bị cáo trước đó nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xem xét xử lý vai trò đồng phạm trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H nhận định và xử lý như vậy là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[11] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng xử lý về hình phạt chính; Hình phạt bổ sung; Trách nhiệm dân sự; Xử lý vật

chứng liên quan đến vụ án và án phí như trong bản luận tội đã nêu. Căn cứ vào hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận và sẽ cân nhắc khi quyết định hình phạt và các vấn đề khác liên quan.

[12]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Tiến Đ phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Tiến Đ 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phạm Tiến Đ phải bồi thường cho những người bị hại như sau: Chị Lê Thị N số tiền 38.500.000 đồng; Anh Dương Thành L số tiền 60.000.000 đồng; Anh Dương Đình Long T1 số tiền 70.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Thúy Hằng s tiền 30.000.000 đồng; Anh Phạm Quỳnh G số tiền 72.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Thúy V số tiền 35.000.000 đồng; Chị Đồng Thị T số tiền 35.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 340.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người bị hại có đơn yêu cầu thị hành án, nếu bị cáo không thi hành được số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung công quỹ nhà nước. 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI 353041096110934. Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số 0985.379.6B.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố Tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Tiến Đ phải chịu

200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 17.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại anh Dương Thành L, chị Nguyễn Thị Thúy H2, anh Phạm Quỳnh G, chị Đồng Thị T, chị Nguyễn Thị Thúy V, anh Dương Đình Long T1; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn H4, anh Nguyễn Văn Đ2, bà Trần Thị H6, chị Phan Thị Thúy H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- Công an huyện Hương Sơn;
- THAPT, CCTHADS huyện Hương Sơn;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Sỹ Nam